TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Phạm Tám

. Ông Đỗ Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuân Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Trần Kim K – sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn H, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H - sinh năm: 1998;

Địa chỉ: Thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12 tháng 12 năm 2025, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Trần Kim K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 và đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Khánh Hòa. Giấy chứng nhận kết hôn số 92 cấp ngày 09/10/2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên giữa vợ chồng thường xảy ra xích mích, cải vã. Vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu, quý trọng nhau. Từ đầu năm 2023 vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc ai. Bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là:

Trần Ngọc Bảo H1 - sinh ngày 26/5/2017.

Hiện đang do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại đơn khởi kiện bà K yêu cầu giao cho ông H được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Bảo H1 - sinh ngày 26/5/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà K không cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà K có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Mặc dù đã được Toà án giải thích về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên nhưng bà K vẫn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà K không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung đối với ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Trần Văn H đến Tòa để trình bày ý kiến về việc bà K khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông H đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai của ông H, không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà K yêu cầu ly hôn với ông H - hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa. Bị đơn ông H đã được Tòa án nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của bà K và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa bà Nguyễn Trần Kim K và ông Trần Văn H là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 92 ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông H là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của bà K, biên bản xác minh thì vợ chồng bà K, ông H hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng ông H đều không có mặt, chứng tỏ ông H không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bà K và ông H theo bà K trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng thường xảy ra xích mích, cải vã. Vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà K.

[3] Về con chung: Bà K, ông H có 01 (một) con chung là Trần Ngọc Bảo H1 – sinh ngày 26/5/2017. Hiện đang do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại đơn khởi kiện bà K yêu cầu giao cho ông H được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Bảo H1 - sinh ngày 26/5/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà K không cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà K có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà K không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Mặc dù Toà án đã nhiều lần giải giải thích về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên nhưng bà K vẫn không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà K xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị đơn ông H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông H.

[7] Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Trần Kim K được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Trần Kim K mặc dù đã được Toà án giải thích về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên nhưng bà K vẫn không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Trần Kim K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Trần Kim K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004889 ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà; bà K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa ;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Ninh (Giấy chứng nhận kết hôn số 92, cấp ngày 09/10/2018);
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ; AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Hòa Thanh